

GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Đỗ Quang Quý*

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Xuất khẩu lao động là hoạt động kinh tế của một quốc gia thực hiện việc cung ứng lao động cho một quốc gia khác trên cơ sở những hiệp định hoặc hợp đồng được thống nhất giữa các quốc gia đưa và nhận lao động. Ba giai đoạn xuất khẩu lao động Việt Nam cho thấy số người xuất khẩu lao động và thu ngoại tệ đều gia tăng qua các năm. Tuy nhiên, xuất khẩu lao động Việt Nam vẫn còn những hạn chế: Từ người lao động, chi phí môi giới cao, bị lừa đảo. Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu lao động Việt Nam: 1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về xuất khẩu lao động và chuyên gia; 2. Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương trong quản lý hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động; 3. Các doanh nghiệp cần có các biện pháp tích cực để gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng lao động xuất khẩu; 4. Bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động; 5. Doanh nghiệp cần đầu tư vốn, cơ sở vật chất phục vụ cho xuất khẩu lao động; 6. Triển khai có hiệu quả mô hình liên kết về xuất khẩu lao động; 7. Nâng cao hơn nữa hiệu quả dịch vụ xuất khẩu lao động; 8. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý lao động trong thời gian lao động làm việc ở nước ngoài.

Từ khóa: *Xuất khẩu lao động, Xuất khẩu lao động Việt Nam, Giải pháp xuất khẩu lao động Việt Nam*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cho tới nay, Việt Nam có khoảng 500.000 lao động và chuyên gia đang làm việc ở trên 40 nước và vùng lãnh thổ với hơn 30 nhóm ngành nghề. Số lao động này hàng năm đã gửi về nước một lượng ngoại tệ đáng kể (gần 2 tỷ USD/năm). Nguồn thu nhập cao từ hoạt động xuất khẩu lao động đã góp phần cải thiện đời sống của chính họ, giúp nhiều gia đình trở nên khá giả, nhiều lao động sau khi về nước đã trở thành các nhà đầu tư và chủ doanh nghiệp, tạo việc làm cho một bộ phận lao động khác, đóng góp vào sự phát triển và ổn định kinh tế xã hội. Xuất khẩu lao động còn là công cụ để chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài, giúp đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng, nâng cao tay nghề và rèn luyện tác phong công nghiệp cho người lao động, đồng thời tăng cường quan hệ hợp tác Quốc tế giữa nước ta với các nước trên thế giới. Vì vậy, xuất khẩu lao động hiện đang được coi là một trong những ngành kinh tế đối ngoại mang lại nhiều lợi ích to lớn cả về mặt kinh tế và xã hội, là giải pháp tạo việc làm quan trọng và mang tính chiến lược của nước ta.

XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

Xuất khẩu lao động

Có rất nhiều cách hiểu khác nhau về định nghĩa xuất khẩu lao động. Nếu như trước đây với thuật ngữ "Hợp tác Quốc tế lao động", xuất khẩu lao động được hiểu là sự trao đổi lao động giữa các quốc gia thông qua các Hiệp định được thoả thuận và ký kết giữa các quốc gia đó; hay là sự di chuyển lao động có thời hạn giữa các quốc gia một cách hợp pháp và có tổ chức. Trong hành vi trao đổi này, nước đưa lao động đi được coi là nước xuất khẩu lao động, còn nước tiếp nhận sử dụng lao động thì được coi là nước nhập khẩu lao động. Tóm lại, có thể hiểu: *Xuất khẩu lao động là hoạt động kinh tế của một quốc gia thực hiện việc cung ứng lao động cho một quốc gia khác trên cơ sở những Hiệp định hoặc hợp đồng có tính chất pháp quy được thống nhất giữa các quốc gia đưa và nhận lao động*[2],[7].

Ý nghĩa của xuất khẩu lao động

- *Xuất khẩu lao động là một hoạt động kinh tế: Ở nhiều nước trên thế giới, xuất khẩu lao động đã là một trong những giải pháp quan trọng thu hút lực lượng lao động đang tăng*

* Tel: 0912 290326; Email: doquangquy@tueba.edu.vn

lên của nước họ và thu ngoại tệ bằng hình thức chuyển tiền về nước của người lao động và các lợi ích khác. Xuất khẩu lao động luôn đem lại lợi ích kinh tế của cả ba bên: Tăng nguồn thu nhập ngoại tệ cho Nhà nước, tổ chức hoạt động xuất khẩu lao động thu được lợi nhuận từ các chi phí dịch vụ xuất khẩu lao động. Đặc biệt, người lao động tăng được thu nhập của mình, giúp cho cuộc sống gia đình được đầy đủ và cải thiện hơn. Vì vậy, việc quản lý Nhà nước, sự điều chỉnh pháp luật phải luôn luôn bám sát đặc điểm này của hoạt động xuất khẩu lao động, làm sao để mục tiêu kinh tế phải là mục tiêu số một của mọi chính sách pháp luật về xuất khẩu lao động.

- *Xuất khẩu lao động là hoạt động mang tính xã hội*: Bởi vì đó là một trong những chủ trương, biện pháp nhằm thực hiện chính sách xã hội. Khi một người lao động đi xuất khẩu lao động không những giải quyết việc làm của riêng họ mà với mức thu nhập từ lao động ở nước ngoài sẽ là nguồn hỗ trợ có hiệu quả cho gia đình họ để đầu tư, giải quyết việc làm cho những người lao động trong nước. Trong xu hướng hội nhập Quốc tế hiện nay, xuất khẩu lao động còn có tác dụng tích cực trong việc mở rộng quan hệ hợp tác giữa các quốc gia với nhau.

HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG CỦA VIỆT NAM

Các hình thức xuất khẩu lao động của Việt Nam

- *Đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài*, bao gồm: Đi theo Hiệp định Chính phủ ký kết giữa hai nhà nước; hợp tác lao động và chuyên gia; thông qua doanh nghiệp Việt Nam nhận thầu, khoán xây dựng công trình, liên doanh, liên kết chia sản phẩm ở nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài; thông qua các doanh nghiệp Việt Nam làm dịch vụ cung ứng lao động; người lao động trực tiếp ký hợp đồng lao động với cá nhân, tổ chức nước ngoài.

- *Xuất khẩu lao động tại chỗ*, là hình thức các tổ chức kinh tế của Việt Nam cung ứng lao động cho các tổ chức kinh tế nước ngoài ở

Việt Nam bao gồm: Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; tổ chức, cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện... của nước ngoài đặt tại Việt Nam.

Các giai đoạn xuất khẩu lao động của Việt Nam

- *Giai đoạn từ 1980 đến 1990*. Việt Nam bắt đầu xuất khẩu lao động từ năm 1980, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài với hình thức chủ yếu là hợp tác sử dụng lao động thông qua các Hiệp định Chính phủ trực tiếp ký kết. Trong giai đoạn này, gần 245.000 lao động và chuyên gia đang làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp trong nước được đưa đến 4 nước Xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, CHDC Đức, Tiệp Khắc và Bungari). Bên cạnh đưa người đi lao động, Việt Nam còn ký kết về hợp tác chuyên gia trong các lĩnh vực: y tế giáo dục, nông nghiệp với một số quốc gia châu Phi (Libya, Angeri, Angola, Mozambique, Congo, Madagascara), số người đưa sang là 7.200 người; Trung Đông (Iraq) khoảng 18.000 người. Bên cạnh đó, gần 24.000 thực tập sinh và học sinh học nghề tại các nước Đông Âu đã chuyển sang lao động trong những năm thập niên 80. Tổng số lao động được đưa đi trong thời kỳ này gần 300.000 người[1],[4].

Theo thống kê của cơ quan chuyên trách, từ năm 1980 đến 1989, ngân sách nhà nước đã thu được khoảng 800 tỷ đồng và hơn 300 triệu USD, một khoản tiền lớn tại thời điểm lúc đó. Ngoài giảm bớt số người thất nghiệp trong nước, người lao động được tiếp cận với công nghệ mới và gửi về nước một khối lượng hàng hóa tiêu dùng có giá trị hàng ngàn tỷ đồng.

- *Giai đoạn 1991 đến 2001*. Kinh tế Việt Nam đang trong thời kỳ đổi mới dẫn đến những thay đổi về cơ chế hoạt động xuất khẩu lao động. Ngày 9/11/1991 Nghị định về đưa người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài ra đời[6]. Cụ thể, các tổ chức doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động thông qua hợp đồng ký với nước ngoài. Cơ chế này đã đẩy mạnh hoạt động

xuất khẩu lao động Việt Nam, mở rộng thị trường xuất khẩu. Số lao động đưa đi nước ngoài tăng đều mỗi năm. Tổng lao động xuất khẩu trong giai đoạn này gần 160.000 người[1],[4].

- *Giai đoạn 2001 đến nay.* Xuất khẩu lao động diễn ra trong một môi trường cạnh tranh gay gắt vì xuất khẩu lao động mang lại lợi ích kinh tế khá lớn. Hơn nữa, xuất khẩu lao động diễn ra trong môi trường suy giảm kinh tế khu vực: Nhiều nước trước đây thu nhận nhiều lao động nước ngoài như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... cũng đang phải đối đầu với tỉ lệ thất nghiệp ngày càng gia tăng. Điều này hạn chế rất lớn đến việc tiếp nhận lao động và chuyên gia nước ngoài trong thời gian từ 5 đến 10 năm đầu của thế kỷ 21. Từ năm 2006 đến 2008, trung bình mỗi năm có hơn 83.000 lao động xuất khẩu sang nước ngoài, chiếm khoảng 5% tổng số lao động được giải quyết việc làm trong cả nước. Năm 2008, Hàn Quốc nhận thêm 12.000 lao động Việt Nam mới và tái tuyển dụng 6.000 lao động, tăng số lao động Việt Nam tại quốc gia này lên gần 50.000 lao động. Đến năm 2011, Việt Nam có khoảng 60.000 lao động tại Hàn Quốc và 85.650 tại Đài Loan - giữ vị trí thứ 2 về tổng số lao động nước ngoài tại Đài Loan. Năm 2011, riêng số lao động Việt Nam đang có mặt tại bốn thị trường lớn nhất là Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc và Nhật Bản là hơn 200.000 người (40% tổng số lao động Việt Nam tại nước ngoài). Năm 2013 người Việt Nam lao động ở ngoại quốc tăng lên hơn 88.000, vượt con số chỉ tiêu của Nhà nước. Và đến nay, Việt Nam đã có hơn 500.000 lao động đang làm việc ở các quốc gia[1],[4].

Đánh giá chung về xuất khẩu lao động Việt Nam Về lợi ích

- *Giải quyết việc làm.* Mặc dù nền kinh tế của Việt Nam đã phục hồi và tiếp tục tăng trưởng, phần lớn người Việt Nam vẫn trong tình trạng nghèo đói, thất nghiệp, trình độ giáo dục chưa cao. Mong muốn cải thiện đời sống là nguyên nhân chính thúc đẩy người lao động Việt

Nam đi làm việc tại nước ngoài. Theo thống kê năm 2009, Việt Nam có 46,7 triệu lao động, chiếm hơn 50% dân số, trong đó 90% hoạt động ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước[2],[8]. Bên cạnh đó, mỗi năm có thêm hơn 1 triệu người đến tuổi lao động. Thêm vào đó, mức độ gia tăng của lực lượng lao động trong bối cảnh tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và tỷ lệ thời gian nhàn rỗi ở nông thôn tương đối cao đặt ra những vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động. Trong đó, xuất khẩu lao động được xem là một giải pháp hữu hiệu để giảm tỷ lệ thất nghiệp tại Việt Nam.

- *Tạo nguồn thu ngoại tệ.* Lao động xuất khẩu của Việt Nam qua đào tạo ngày càng tăng, người lao động Việt Nam ở nước ngoài gửi về nước lượng kiều hối trung bình mỗi năm từ 1,6 tỷ đến 2 tỷ USD. Trong đó từ Hàn Quốc trên 700 triệu USD, Nhật Bản hơn 300 triệu USD[8]. Năm 2010, Việt Nam đứng thứ 16 trong 30 quốc gia có lượng kiều hối chuyển về nhiều nhất, là một trong 10 quốc gia có thu nhập lớn từ xuất khẩu lao động [2].

- *Lợi ích khác.* Xuất khẩu lao động còn tạo điều kiện thay đổi đời sống của người dân. Tại một số làng xã tỉ lệ xuất khẩu lao động cao, nhiều người từ nghèo trở nên giàu có, ước tính trung bình số tiền gửi về hàng năm có thể đạt từ 40 đến 100 tỷ đồng. Thêm vào đó, nhiều người trở về nước đã trở thành các nhà đầu tư, gây dựng doanh nghiệp, tạo việc làm cho lao động địa phương. Một lợi ích khác là xuất khẩu lao động giúp một bộ phận lao động tiếp cận với máy móc và công nghệ tiên tiến, cơ chế quản lý hiện đại, tác phong công nghiệp, nâng cao trình độ và tay nghề.

Mặt hạn chế

- *Từ người lao động:* Mặc dù tỷ lệ lao động được đào tạo tăng gần 35% nhưng trình độ và kỹ năng của nhiều lao động Việt Nam chưa thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước, dẫn đến chất lượng lao động chưa cao. Một số lao động ở nước ngoài thiếu ý thức, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng không tốt đối với lao động Việt Nam tại nước

ngoài; bỏ trốn và lưu trú bất hợp pháp: điển hình tại Hàn Quốc (40%), Nhật Bản (30%) và Đài Loan (10-15%)[3]. Tại châu Âu cũng có tình trạng nhiều lao động Việt Nam tự ý phá vỡ hợp đồng và lưu trú bất hợp pháp. Ứng phó với tình trạng này, Nhật Bản tuyên bố sẽ mạnh tay hơn trong việc kiểm soát người lao động nước ngoài, nếu bỏ trốn khi bắt được sẽ trục xuất ngay về nước. Về phía Hàn Quốc, chính quyền đã cân nhắc đến biện pháp hạn chế việc tổ chức kỳ kiểm tra tiếng Hàn hoặc cắt giảm chỉ tiêu tiếp nhận lao động Việt Nam, đồng thời thực hiện các giải pháp truy quét tình trạng lao động nước ngoài cư trú bất hợp pháp.

- *Chi phí môi giới cao*: Mặc dù theo luật định, mức trần tiền môi giới cho các thị trường cứ mỗi năm của hợp đồng không vượt quá một tháng lương của người lao động, tuy nhiên trong thực tế, nhiều công ty xuất khẩu đòi hỏi người lao động phải đóng phí môi giới cao hơn. Theo sự tính toán lao động làm việc ở Đài Loan: Mức lương tối thiểu người lao động được hưởng là 15.840 Đài tệ/tháng, sau khi trừ các chi phí, người lao động chỉ tiết kiệm mỗi tháng khoảng 2.876 Đài tệ (số tiền này chỉ bằng 1/2 số tiền chi cho môi giới) tương ứng khoảng 87 USD/tháng. Như vậy, người lao động làm việc quần quật trong 1 tháng chủ yếu chỉ để trả cho các loại phí.

- *Bị lừa đảo*: Đã có nhiều hiện tượng lừa đảo xuất khẩu lao động từ cá nhân tự phát đến có tổ chức tại Việt Nam. Điều này xuất phát một phần từ nhu cầu muốn được xuất khẩu lao động từ phía người dân trong nước. Như năm 2011, kỳ thi tiếng Hàn đạt kỷ lục về lượng thí sinh tham dự với gần 67.000 người, gấp hơn 2 lần so với năm 2010 và hơn 8 lần so với năm 2009, trong khi số lượng hồ sơ phía Hàn Quốc đăng ký lựa chọn là 15.000 và chỉ nhận tuyển khoảng 13.000 người. Theo số liệu của công an Thành phố Hà Nội, riêng khoảng thời gian từ đầu năm 2006 đến giữa 2007, tại Hà Nội có hơn 2.000 nạn nhân bị lừa đảo xuất khẩu lao động sang Đài Loan và Hàn Quốc,

tổng lợi nhuận chiếm đoạt là hơn 52 tỷ đồng. Nhiều lao động Việt Nam tại Malaysia[5] bị lừa đảo hợp đồng lao động và bị ngược đãi, đánh đập, bỏ đói, tìm kiếm sự can thiệp về Việt Nam. Đối với việc xuất khẩu lao động sang Nga, người lao động rất dễ bị lừa và không thể kiếm được chỗ làm hợp pháp nếu không qua doanh nghiệp xuất khẩu lao động đã được cấp phép. Từ 2004 đến 2008, khoảng 5.400 người phải chấp nhận vay mượn tiền để đi lao động tại các thị trường như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và Úc nhưng không đi được vì bị lừa...

GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Từ những ưu điểm, hạn chế, đồng thời để nâng cao năng lực cạnh tranh trong xuất khẩu lao động Việt Nam. Theo chúng tôi, từ phía Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động cùng đồng bộ thực hiện tốt các giải pháp:

1, Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về xuất khẩu lao động và chuyên gia, bổ sung và sửa đổi những cơ chế, chính sách còn thiếu hoặc không phù hợp, như chính sách đầu tư mở thị trường; chính sách hỗ trợ đào tạo và tín dụng cho người lao động đi xuất khẩu, chính sách tín dụng cho người đi làm việc ở nước ngoài, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách khuyến khích chuyển tiền và hàng hóa về nước, chính sách tiếp nhận trở lại sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2, Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương trong quản lý hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và chuyên gia: Trong trường hợp cần thiết có thể hỗ trợ về vốn, cơ sở vật chất cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động; tăng cường công tác thông tin, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và chuyên gia; ngăn chặn và xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong xuất khẩu lao động; xử lý nghiêm khắc những người đi xuất khẩu lao động tùy tiện.

3, Các doanh nghiệp cần có các biện pháp tích cực để gia tăng số lượng và nâng cao chất

lượng lao động xuất khẩu nhằm đáp ứng tốt nhu cầu thị trường lao động nước ngoài. Trước mắt, các doanh nghiệp một mặt vẫn phải tập trung vào việc xuất khẩu lao động phổ thông cho các thị trường Đài Loan, Malaysia... nhằm giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp trong nước. Mặt khác, phải tìm mọi giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động xuất khẩu cho phù hợp với nhu cầu của thị trường, tiến tới phấn đấu để có đủ khả năng và điều kiện xuất khẩu lao động có kỹ thuật.

4, Bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động. Đội ngũ này cần phải được chuyên môn hoá, được đào tạo một cách cơ bản về nghiệp vụ xuất khẩu lao động, phải có những kiến thức, kỹ năng và hiểu biết tốt về Luật lao động, Luật hình sự, Luật dân sự... và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về xuất khẩu lao động và chuyên gia.

5, Doanh nghiệp cần đầu tư vốn, cơ sở vật chất phục vụ cho xuất khẩu lao động, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động. Cần đầu tư cơ sở vật chất, nguồn vốn xây dựng cơ sở đào tạo, bổ sung đội ngũ giáo viên có trình độ cao. Định hướng cho người lao động để một mặt chủ động được nguồn lao động, mặt khác nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở hoàn thiện chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo nguồn lao động xuất khẩu.

6, Triển khai có hiệu quả mô hình liên kết về xuất khẩu lao động nhằm giảm phiền hà và tốn kém cho người lao động. Thông qua mô hình liên kết, doanh nghiệp đến với người lao động có sự giám sát hỗ trợ của chính quyền địa phương. Các doanh nghiệp kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để tuyển lao động; doanh nghiệp công khai minh bạch với chính quyền địa phương và người lao động về các điều kiện của hợp đồng, đặc biệt là các khoản đóng góp của người lao động, qua đó giúp cho người lao động giảm được các chi phí không cần thiết, tạo điều kiện làm các thủ tục

hành chính và vay vốn trang trải cho những chi phí ban đầu tại các Ngân hàng địa phương.

7, Nâng cao hơn nữa hiệu quả dịch vụ xuất khẩu lao động, trước hết là phải rút ngắn thời gian từ khi người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài đến khi họ được xuất cảnh, đặc biệt là giảm thiểu thời gian làm thủ tục và thời gian chờ đợi của người lao động. Đây là một trong các giải pháp góp phần giảm chi phí phát sinh ban đầu của người lao động nhằm thu hút đông đảo người lao động đi xuất khẩu lao động.

8, Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý lao động trong thời gian lao động làm việc ở nước ngoài. Với mỗi thị trường, cần có các giải pháp thích hợp nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra do việc quản lý lao động gây nên. Cần xử lý kiên quyết những trường hợp lao động vi phạm hợp đồng, yêu cầu phải bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp theo các điều khoản của hợp đồng đã ký. Đồng thời, Nhà nước phải mạnh tay xử lý nghiêm những doanh nghiệp để xảy ra những tiêu cực trong xuất khẩu lao động./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Hà Nội mới (2011), *Hiệu quả từ xuất khẩu lao động*, CTTĐT, 15.1
2. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam (2009), *Việc làm và xuất khẩu lao động – những vấn đề đặt ra*, 3.6
3. Báo điện tử Tầm Nhìn (2011), *Những vấn đề bất cập khi xuất khẩu lao động*, 20.3
4. Cục Quản lý lao động nước ngoài (2005), *Tình hình xuất khẩu lao động của Việt Nam*, Bản gốc lưu trữ, 7.4
5. Hiệp hội Xuất khẩu Lao động Việt Nam (2011), *Tình hình thị trường lao động Malaysia*
6. Hội đồng Bộ trưởng (1991), *Ban hành quy chế về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài*, ND số 370/HĐBT, 9.11
7. TS. Tạ Đức Khanh (2010), *Giáo trình kinh tế lao động*, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Giáo dục Hà Nội.
8. Thời báo Kinh tế Việt Nam (2007), *VnEconomy*, Báo điện tử 3.8
9. Trang website liên quan: <http://hoptaclaodong.vn>, xuatkhaulaodongnhatban.org...

SUMMARY

SOLUTION TO PROMOTE THE VIETNAMESE LABOR EXPORT**Do Quang Quy****College of Economics and Business Administration - TNU*

Export of labor are economic activities of a country that implement the labor supply to an other country on the basis of contractual agreements in regulations which is agreed between the nations to give and receive. The three stages of Vietnamese labor export showed that amount the labor export and foreign exchange earnings have increased over the years. However, Vietnamese labor export still be restricted: From the employee; High brokerage costs; Fraud. Solution to promote the Vietnamese labor export: 1. perfect the systems of legislation on labor export and experts; 2. To improve the accountability of Ministries, branches and localities in managing of the business operations of labor export; 3. They should have positive measures to increase the quantity and improve the quality of labor export; 4. To foster and enhance the quality of the staffs who service in labor export; 5. The enterprises need the invested capital, facilities to serve the labor export; 6. Implement effective of link models of labor export; 7. Promoting more efficient of labor export services; 8. Strengthen and improve the efficiency of the management of labor during the time of working in overseas.

Keywords: *Labor Export, Export Vietnam labor, labor export solution Vietnam*

Ngày nhận bài: 15/8/2014; Ngày phản biện: 29/8/2014; Ngày duyệt đăng: 15/9/2014

Phản biện khoa học: PGS.TS Trần Chí Thiện – Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh - ĐHTN

* Tel: 0912 290326; Email: doquangquy@tueba.edu.vn